

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét Văn bản số 1612/CV đề ngày 16/12/2025 của Công ty TNHH Kim Sơn đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng chưng cất dầu FO từ cao su và Văn bản số 06/CV ngày 13/01/2026 về việc bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng chưng cất dầu FO từ cao su;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 56/TTr-SNNMT ngày 23/01/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Kim Sơn, địa chỉ tại số 28 Phan Văn Khỏe, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xưởng chưng cất dầu FO từ cao su” tại một phần lô B32 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

## **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Xưởng chưng cất dầu FO từ cao su.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô B32 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH có mã số doanh nghiệp 6000592300, do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/10/2020.

1.4. Mã số thuế của Công ty: 6000592300

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tái chế chất thải công nghiệp thông thường (Nhiệt phân rác thải cao su thành dầu FO).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án là 7.677 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm C (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: 3.200 tấn nguyên liệu/năm.

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu đầu vào → Máy cắt → Lò nhiệt phân → Thiết bị phân tách dầu → Thiết bị ổn định nhiệt ngưng tụ → Dầu nhiệt phân → Lưu chứa, xuất bán.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

## **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kim Sơn**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kim Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Hòa Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông Nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Hòa Phú;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phú;
- Công ty TNHH Kim Sơn;
- (Đ/c: 1 phần lô B32 KCN Hòa Phú, Xã Hòa Phú);
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Văn**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,**  
**XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số            /GPMT-UBND ngày    /02/2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Nước thải của nhà máy sau xử lý nội bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú để xử lý, không xả nước thải ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và theo đường ống PVC D114 mm dẫn về Bể tự hoại ba ngăn sau đó tự chảy vào hệ thống thoát nước của KCN Hòa Phú theo hợp đồng số 21/2017/HĐ-XLNT ngày 01/09/2017 với Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú.

- Nguồn số 02: Nước phát sinh từ quá trình xử lý khí thải (phát sinh không thường xuyên, định kỳ 01 tháng/lần) được thu gom bằng hệ thống mương dẫn bằng bê tông dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN Hòa Phú theo hợp đồng số 21/2017/HĐ-XLNT ngày 01/09/2017 với Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú.

- Nguồn số 03: Nước từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, thiết bị với tần suất phát sinh 1 tháng /lần được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của KCN Hòa Phú theo hợp đồng số 21/2017/HĐ-XLNT ngày 01/09/2017 với Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phú.

- Nguồn số 04: Nước thải từ quá trình lấy carbon được thu gom về bể chứa sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình lấy carbon tiếp theo.

- Nguồn số 05: Nước làm mát hệ thống tháp giải nhiệt được thu gom theo hệ thống ống thép D60 tuần hoàn về bể chứa nước làm mát sau đó tuần hoàn tái sử dụng liên tục cho quá trình làm mát.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

**1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Hòa Phú

- Dung tích thiết kế bể tự hoại: Gồm 01 bể tự hoại, dung tích 7,56 m<sup>3</sup>.

*1.2.2. Hệ thống xử lý nước vệ sinh nhà xưởng, thiết bị và nước thải từ quá trình xử lý khí thải*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng, , *thiết bị và nước thải từ quá trình xử lý khí thải* → Ngăn chứa → Ngăn lọc 1 → Ngăn lắng 1 → Ngăn lọc 2 → Ngăn lắng 2 có lớp vải địa tách dầu → Thu gom đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Hòa Phú tại Hồ thu nước thải của KCN trên đường CN1.

- Thông số thiết kế:

Cụm bể xử lý nước thải sản xuất, kích thước (dài x rộng x cao): 3,6m x 2,9m x 1,4m. Gồm 1 ngăn chứa (kích thước lọt lòng: 2,9m x 1,0m x 1,4m), ngăn lọc 1 (kích thước lọt lòng: 1m x 1,1m x 1,4m), ngăn lắng 1 (kích thước lọt lòng: 1m x 1,1m x 1,4m), ngăn lọc 2 (kích thước lọt lòng: 0,8m x 1,1m x 1,4m), ngăn lắng 2 (kích thước lọt lòng: 0,8m x 1,1m x 1,4m), có 2 lớp vải địa tách văng dầu (dài 1,1m, rộng 0,8m và cao 1,4m). Bể xử lý xây bằng BTCT, M200, chống thấm 2 lớp bên trong.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

*1.2.3. Nước thải từ quá trình lấy carbon*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ quá trình lắng carbon → Bể lắng kết hợp lưu chứa than cacbon → Bể chứa nước thải → Tuần hoàn tái sử dụng liên tục.

- Thông số thiết kế:

+ Bể lắng kết hợp lưu chứa than cacbon gồm 3 bể, kích thước các bể là: bể 1 (13,2 x 6,5 x 3)m, bể 2 (13,2 x 6,5 x 3)m, bể 3 (8,9 x 6,5 x 3)m với tổng thể tích 3 bể là 688,35m<sup>3</sup>, xây bằng BTCT, M300, chống thấm 2 lớp bên trong.

+ Bể chứa nước kích thước mỗi bể là (2,5 x 2,5 x 3)m: Có 3 bể. Bể được xây bằng BTCT, M300, chống thấm 2 lớp bên trong.

+ Bể chứa nước kích thước bể (4,5 x 6,5 x 3)m: có 1 bể. Bể được xây bằng BTCT, M300, chống thấm 2 lớp bên trong.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

*1.2.4. Bể làm mát*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ quá trình giải nhiệt máy móc thiết bị → Thu gom đường ống sắt D60mm → bể chứa nước làm mát → Tuần hoàn tái sử dụng liên tục.

- Thông số thiết kế: Bể chứa: 10x4x1,5m. Số lượng 1 bể, xây bằng BTCT, M300, chống thấm 2 lớp bên trong.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành
- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Định kỳ thay thế lớp vật liệu lọc, vải địa tách dầu trong công trình xử lý (khoảng 12 tháng/lần);
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2254/GXN-STNMT ngày 16/09/2019 nên cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Hòa Phú; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đáp ứng quy chuẩn xả thải của Khu công nghiệp Hòa Phú và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò nhiệt phân số 01.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò nhiệt phân số 02.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Dòng khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò nhiệt phân số 01.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò nhiệt phân số 02.

**2.2. Vị trí xả thải**

- Vị trí xả thải dòng khí thải số 01: Xả thải tại ống khói thải của khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò nhiệt phân số 1. Tọa độ (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiều 3°): X(m): 438 645; Y(m): 1393 293.
- Vị trí xả thải dòng khí thải số 02: Xả thải tại ống khói thải của khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò nhiệt phân số 2. Tọa độ (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°30', múi chiều 3°): X(m): 438 638; Y(m): 1393 293.

**2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Lưu lượng xả thải tối đa dòng số 01: 5.000 m<sup>3</sup>/h.
- Lưu lượng xả thải tối đa dòng số 02: 5.000 m<sup>3</sup>/h.

**2.3.1. Phương thức xả khí thải:**

- Phương thức xả thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói.
- Chế độ xả thải: gián đoạn.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; Kv = 1; Kp = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ:

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính       | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục (nếu có) |
|-----|--------------|-------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------------------|
| 1   | Lưu lượng    | m <sup>3</sup> /h | -                         | Không thuộc đối tượng quy  | Không thuộc đối tượng quy định       |
| 2   | Áp suất      | KPa               | -                         |                            |                                      |

|   |                                |                    |            |                                                                                                                                                    |                                              |
|---|--------------------------------|--------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 3 | Nhiệt độ                       | °C                 | -          | định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP, tuy nhiên Cơ sở tự đề xuất quan trắc định kỳ 6 tháng/lần để giám sát hiệu quả vận hành hệ thống | tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP |
| 4 | O <sub>2</sub>                 | mg/Nm <sup>3</sup> | -          |                                                                                                                                                    |                                              |
| 5 | Bụi                            | mg/Nm <sup>3</sup> | <b>200</b> |                                                                                                                                                    |                                              |
| 6 | SO <sub>2</sub>                | mg/Nm <sup>3</sup> | <b>500</b> |                                                                                                                                                    |                                              |
| 7 | NO <sub>x</sub>                | mg/Nm <sup>3</sup> | <b>850</b> |                                                                                                                                                    |                                              |
| 8 | H <sub>2</sub> S               | mg/Nm <sup>3</sup> | <b>7,5</b> |                                                                                                                                                    |                                              |
| 9 | H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> | mg/Nm <sup>3</sup> | <b>50</b>  |                                                                                                                                                    |                                              |

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2032 Công ty TNHH Kim Sơn có trách nhiệm áp dụng theo các giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT, cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Khí thải phát sinh từ buồng đốt cấp nhiệt cho lò nhiệt phân, khí thải từ lò nhiệt phân sẽ được thu gom theo đường ống thép, Φ273mm dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý, sau đó xả thải ra môi trường qua ống khói cao 8 m so với mặt đất.

+ Cơ sở gồm 2 hệ thống xử lý khí thải (mỗi hệ thống thu gom xử lý khí thải cho 1 lò nhiệt phân).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ lò nhiệt phân → Tháp hấp thụ (Sử dụng dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.1 Phần A Phụ lục này) → Ống khói (Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K<sub>p</sub>=1, K<sub>v</sub>=1).

- Công suất thiết kế: 5.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ. Ống khói có kết cấu bằng thép D 273mm, chiều cao 8 m so với mặt đất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch Ca(OH)<sub>2</sub> (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.1 Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2254/GXN-STNMT ngày 16/09/2019 nên cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của lò nhiệt phân, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2 Các nguồn phát sinh bụi và khí thải khác (tại khu vực lưu chứa nguyên liệu, thành phẩm, quá trình lấy carbon, quá trình nạp liệu, ...) phải được kiểm soát; đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải của cơ sở.

3.4. Công ty TNHH Kim Sơn chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số        /GPMT-UBND ngày        /02/2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:** Hoạt động của máy móc thiết bị tại xưởng sản xuất dầu FO.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn** (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , vĩ tuyến  $3^{\circ}$ ): X = 438 704; Y = 1393 277.

**3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau:**

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (lộ trình áp dụng đến hết ngày 31/12/2026 quy định tại Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường), cụ thể như sau:

| STT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA) |                     | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú              |
|-----|------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------|----------------------|
|     | Từ 6 giờ đến 21 giờ                                              | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                            |                      |
| 1   | 70                                                               | 55                  | -                          | Khu vực thông thường |

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2027 Công ty TNHH Kim Sơn có trách nhiệm áp dụng theo các giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân tại cơ sở.
- Trồng cây xanh tạo hành lang cách ly cơ sở với các đối tượng xung quanh.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| STT | Loại chất thải                                                                             | Mã CTNH  | Khối lượng phát sinh, Kg/năm |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1   | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau thải, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | 19                           |
| 2   | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải                                  | 16 01 06 | 1                            |
| 3   | Các loại dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải                                        | 17 02 04 | 14                           |
| 4   | Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải                              | 18 01 03 | 10                           |
| 5   | Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải                   | 08 02 04 | 2                            |
| 6   | Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải, xử lý khí thải          | 04 02 03 | 19                           |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                           |          | <b>65</b>                    |

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:**

| STT | Tên chất thải    | Đơn vị tính | Khối lượng phát sinh | Ghi chú                                                                       |
|-----|------------------|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dây thép         | Tấn/ngày    | 1,8                  | Thực hiện chuyển giao cho Công ty TNHH sản xuất TMDV xây dựng Chinh Phú Thịnh |
| 2   | Than carbon      | Tấn/ngày    | 4,2                  |                                                                               |
|     | <b>Tổng cộng</b> | Tấn/ngày    | <b>6</b>             |                                                                               |

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

| STT | Tên chất thải           | Đơn vị tính | Khối lượng phát sinh |
|-----|-------------------------|-------------|----------------------|
| 1   | Chất thải rắn sinh hoạt | kg/ngày     | 5                    |

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt,**

## **chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 05 thùng nhựa có nắp đậy, loại thùng có dung tích 120 lít, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo nguy hại theo quy định.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:

- Diện tích 9 m<sup>2</sup>.

- Kết cấu: Kho chứa được lắp đặt bằng tôn cùng hệ vi kèo sắt, thép, có cửa ra vào kín, nền bê tông, xử lý chống thấm, có bảng tên theo quy định, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bể chứa than carbon: 688,35 m<sup>2</sup>, có che chắn.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường:

- Khu vực chứa dây thép: Diện tích 172 m<sup>2</sup>, nền bê tông, mái che.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng nhựa HDPE (Có nắp đậy, có dung tích 18 lít), 01 thùng chứa màu xanh có nắp đậy dung tích 220 lít.

#### 2.3.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực để thùng chứa 220 lít có mái che, nền lát gạch

### **2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành lò nhiệt phân; sự cố vỡ đường ống, hệ thống thu hồi khí hydrocacbon; sự cố do cháy nổ và sự cố về tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi

trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với chức năng vụ hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

### Phụ lục 5

## CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026  
của Chủ tịch UBND tỉnh)

### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC (nếu có).

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, không còn hạng mục, công trình phải tiếp tục thực hiện.

### D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án đầu tư có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án đầu tư phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./